

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.

1 - CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐIỀU LỆ.....

2 - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....

Điều 1: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của công ty.....

Điều 2: Thời hạn hoạt động.....

Điều 3: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty.....

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty.....

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật.....

Điều 6: Tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty.....

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.....

Điều 7: Quyền của Công ty.....

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty.....

CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN.....

Điều 9: Vốn điều lệ.....

Điều 10: Các loại vốn khác của công ty.....

Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.....

Điều 12: Cổ phiếu.....

Điều 13: Chào bán cổ phần.....

Điều 14: Chuyển nhượng cổ phần.....

Điều 15: Thừa kế cổ phần.....

Điều 16: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty.....

Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....

Điều 18: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC – QUẢN LÝ.....

Điều 19: Cơ cấu tổ chức quản lý.....

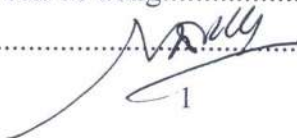
CHƯƠNG V: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....

Điều 20: Cổ đông và quy định chung về cổ đông.....

Điều 21: Quyền của cổ đông.....

Điều 22: Nghĩa vụ, trách nhiệm của cổ đông.....

Điều 23: Đại hội đồng cổ đông.....



Điều 24: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	
Điều 25: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo.....	
Điều 26: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	
Điều 27: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	
Điều 28: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	
CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	
Điều 29: HĐQT, quy định chung về Hội đồng quản trị.....	
Điều 30: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	
Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	
Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	
Điều 33: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	
Điều 34: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.....	
Điều 35: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	
Điều 36: Giám đốc công ty, tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm giám đốc công ty.....	
Điều 37: Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc.....	
Điều 38: ủy quyền, ủy nhiệm của Giám đốc công ty.....	
Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc công ty.....	
Điều 40: Cán bộ quản lý công ty, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ quản lý công ty.....	
Điều 41: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị HĐQT chấp thuận.....	
Điều 42: Ban kiểm soát và những quy định chung về ban kiểm soát.....	
Điều 43: Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và kiểm soát viên.....	
Điều 44: Trưởng ban kiểm soát.....	
Điều 45: Miễn nhiệm, bãi nhiệm ban kiểm soát.....	
Điều 46: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ, lưu giữ hồ sơ.....	
CHƯƠNG VII: CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY.	
Điều 47: Chế độ, chính sách đối với người lao động.....	
Điều 48: Quyền lợi của người lao động.....	
CHƯƠNG VIII: CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CHIA LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ.....	
Điều 49: Tài khoản ngân hàng.....	
Điều 50: Năm tài chính.....	
Điều 51: Hệ thống kế toán.....	
Điều 52: Báo cáo thường niên và công khai thông tin.....	

Điều 53: Kiểm toán.....

Điều 54: Con dấu.....

Điều 55: Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.....

Điều 56: Cổ tức.....

Điều 57: Hình thức chi trả cổ tức cho cổ đông.....

CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....

CHƯƠNG X: TỔ CHỨC LẠI – GIẢI THỂ - PHÁ SẢN – THANH LÝ.....

Điều 59: Chấm dứt hoạt động, giải thể công ty.....

Điều 60: Gia hạn hoạt động công ty.....

Điều 61: Thanh lý.....

Điều 62: Kế thừa

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....

Điều 63: Bổ sung và sửa đổi điều lệ

Điều 64: Hiệu lực và đăng ký điều lệ.....



trị

H

PHẦN MỞ ĐẦU

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐIỀU LỆ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số: 196/2011/TT – BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu cổ phần hóa của Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Căn cứ Thông tư 202/2011/TT – BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

Căn cứ Quyết định số: 381/QĐ-UBND ngày 07 tháng 2 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hóa;

Căn cứ vào các văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều lệ công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hóa được xây dựng theo những quy định của pháp luật hiện hành về Cổ phần hóa và các văn bản pháp luật có liên quan; là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty, được Đại hội đồng cổ đông lần đầu nhất trí thông qua nội dung bản Điều lệ, cùng cam kết thực hiện và cùng chịu trách nhiệm với những quy định trong bản Điều lệ này.

II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

b. *Công ty*: Là Công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá.

c. *Ngày thành lập*: Là ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

d. *Điều lệ*: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá.

đ. *Cổ đông*: Là mọi thể nhân hay pháp nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty.

e. *Vốn điều lệ*: Là Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ công ty.



- g. *Cổ phần*: Là một phần vốn điều lệ, các cổ phần có giá trị bằng nhau.
h. *Đại hội đồng cổ đông*: Là tất cả các cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết
i. *Cán bộ quản lý*: Là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng
j. *Người có liên quan*: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

k. *Thời hạn hoạt động*: Là thời hạn hoạt động của công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua bằng Nghị quyết.

g. Việt Nam: Là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Trong Điều lệ này các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

5. Câu từ và thuật ngữ được viết tắt trong Điều lệ:

- HĐQT là viết tắt của Hội đồng quản trị.
- BKS là viết tắt của Ban kiểm soát.
- ĐHĐCĐ là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của công ty

1. Tên Công ty.

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HOÁ**

- Tên giao dịch quốc tế: **THANH HOA MOUNTAINOUS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**

2. Hình thức sở hữu và tư cách pháp nhân:

a, Công ty là Công ty cổ phần, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản bằng toàn bộ tài sản do Công ty sở hữu, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b, Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c, Công ty thuộc sở hữu của các cổ đông, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Số 100 Triệu Quốc Đạt – P. Điện Biên – TP. Thanh Hoá - tỉnh Thanh Hoá.

- Điện thoại 037 3852409 Fax: 037 3850527

4. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc, mở thêm các chi nhánh tại các địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 2: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt thời hạn hoạt động của công ty do ĐHQĐ quyết định và theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Không ngừng phát triển các lĩnh vực hoạt động kinh doanh Thương mại - Dịch vụ của công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Phạm vi hoạt động và kinh doanh

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.

- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.

- Phạm vi hoạt động: Được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.



3. Lĩnh vực kinh doanh của công ty là:

Số TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; sản xuất, chế biến hàng lâm sản; Sản xuất phân bón..	1020, 1629, 2012
2	- Bán buôn, bán lẻ thức ăn gia súc, động vật sống, thóc, ngô, luồng....,	4620
3	- Bán buôn, bán lẻ gạo, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, bán lẻ trong các cửa hàng KD tổng hợp, siêu thị .	4631, 4632, 4633, 4711, 4719, 4721, 4722, 4723, 4724, 4730, 4781
4	- Bán lẻ đồ dùng gia đình, điện gia dụng, gốm, sứ, thủy tinh và thiết bị gia đình khác.	4742, 4751, 4759, 4789,
5	- Bán buôn, bán lẻ đồ uống có cồn: Bia, rượu và nước giải khát...thuốc lá	4633, 4634, 4724
6	- Hàng vật tư kỹ thuật phục vụ SX: Sắt thép, xi măng, tấm lợp, gạch ngói, phân bón...	4662, 4663, 4669, 4752
7	- Bán buôn, bán lẻ mô tô xe máy và phụ tùng mô tô xe máy, bán lẻ xe đạp.	4541, 4542, 4543, 47738,
8	- Bán buôn, bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, hàng mỹ phẩm...	4641, 4649, 2649, 4649, 4771, 4772, 4773, 4781, 4782
9	- Bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt, khí đốt và sản phẩm liên quan...	46613, 4730
10	- Bán lẻ hàng hoá vật tư tiêu dùng : thảm, đệm, chăn màn., đồ điện gia dụng.; dầu hoả, than, khí dầu mỏ hoá lỏng, bếp ga...	4753, 4759, 4773
11	- Kinh doanh dịch vụ : ăn uống, du lịch, nhà nghỉ; massage, giặt là, karaoke, hôn lễ.	5510, 5610, 5621, 5629, 5630, 5630, 9610, 9620, 9633, 9639
12	- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ.	4933

13	- Dịch vụ nông nghiệp: Bán lẻ các loại hạt giống, cây giống, con giống, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y chăn nuôi...	0161, 0162, 0163
14	- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.	4100, 4290
	- Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hoá, bốc xếp	5210, 5224
15	Bảo dưỡng, sửa chữa, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4520, 4530
16	- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.	

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cổ đông công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ.
4. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo Công ty, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh, công tác quản trị và điều hành Công ty.

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty được quy định trong Điều lệ công ty và các qui định của pháp luật liên quan khác.

Điều 6: Tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty

1. Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 điều này.

V.A. 09

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7: Quyền của Công ty

1. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh: Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn kinh doanh, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Công ty có quyền lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng dịch vụ, liên doanh, liên kết, thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh.
4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh.
5. Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
6. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
7. Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức cộng tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN

Điều 9: Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được góp bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật nhưng được quy đổi bằng đồng Việt Nam tại ngày góp vốn và được hạch toán theo dõi theo một đơn vị tiền tệ duy nhất là đồng Việt Nam.

2. Vốn điều lệ của công ty khi thành lập là: 86.000.000.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ đồng).

3. Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 8.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000đ/cổ phần (mười ngàn đồng trên một cổ phần).

4. Cơ cấu sở hữu trong vốn điều lệ của công ty khi thành lập:

- Vốn thuộc sở hữu nhà nước là 51 % vốn điều lệ
- Vốn thuộc cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV viên là 12,04.% vốn điều lệ.
- Vốn thuộc cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 18,48 % vốn điều lệ.
- Vốn thuộc cổ phần bán cho cổ đông bên ngoài: là 18,48 % vốn điều lệ.

5. Vốn điều lệ của Công ty được bổ sung theo từng thời kỳ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, do ĐHĐCĐ quyết định, trường hợp bổ sung vốn điều lệ từ các nguồn quỹ công ty do HĐQT quyết định. Trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

6. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái với pháp luật).



Điều 10: Các loại vốn khác của công ty

1. Vốn vay:

Công ty huy động vốn bên ngoài bằng phương thức vay vốn của ngân hàng, của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước và các phương thức khác theo qui định của pháp luật.

2. Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh.

3. Các vốn khác:

Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư để phát triển của các cá nhân, tổ chức khác trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ phần cùng loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt, có trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi như nhau.

2. Cổ phần chi phối, phần vốn nhà nước nắm giữ tại công ty do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Nhà nước.

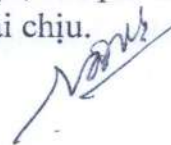
3. Toàn bộ cổ phần của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 12: Chứng nhận cổ phần

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phần dưới dạng Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phần của cổ đông được theo dõi ghi vào Sổ đăng ký cổ đông và lưu giữ tại công ty.

2. Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phần ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người hoặc tổ chức nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Các cổ đông sau khi đã nộp đủ tiền mua cổ phần được Công ty đăng ký tên vào Sổ đăng ký cổ đông, được nhận một Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần có giá trị bằng tổng số cổ phần của mình. Trường hợp Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần bị mờ rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi sổ mới nhưng phải có đơn đề nghị và giải trình đầy đủ các chứng cứ theo yêu cầu của HĐQT, chi phí cho việc làm lại Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần mới cổ đông sở hữu đó phải chịu.



Điều 13: Chào bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán. Trường hợp cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường sau khi trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh.

Điều 14: Chuyển nhượng cổ phần:

1. Cổ phần phổ thông của các cổ đông được chuyển nhượng. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất cứ cổ phần nào nếu việc chuyển nhượng trái với Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có giá trị hiện hành.

2. Cổ phần phổ thông của nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được DHCĐ chấp thuận.

3. Cổ phần của người lao động trong công ty được mua theo giá ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ chỉ được chuyển nhượng sau 03 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

4. Việc chuyển nhượng cổ phần trước hết phải ưu tiên cho các cổ đông là cán bộ nhân viên trong nội bộ công ty nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng, sau đó mới chuyển nhượng cổ phần ra bên ngoài.

5. Khi chuyển nhượng cổ phần các bên phải làm thủ tục chuyển nhượng bằng văn bản, giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký và đăng ký tại Công ty để vào sổ đăng ký cổ đông. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

5. Các quy định khác về bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo điều 87 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết theo quy định của Pháp luật, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó:

a. Người thừa kế duy nhất theo quy định của pháp luật;



b. Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết bất cứ trường hợp tranh chấp nào giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm Chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông chính thức của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Khi cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các qui định của pháp luật.

Điều 16: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo qui định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có nội dung đầy đủ tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối quyết định về tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định trong Điều lệ có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải lập bằng văn bản nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do bán, yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc qui định trong một qui chế riêng của Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy yêu cầu. Trường

hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá và đây là lựa chọn, quyết định cuối cùng thực hiện việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

Điều 18: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 16 và điều 17 của Điều lệ này. Khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của Luật Doanh nghiệp thì tất cả các cổ đông phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

3. Tất cả các cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải có trách nhiệm thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ được biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

**CHƯƠNG IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC – QUẢN LÝ**

Điều 19: Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị công ty;
- c. Ban kiểm soát công ty;
- d. Ban Giám đốc công ty.

2. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

Thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

3. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20: Cổ đông và quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:

a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông (nếu là tổ chức) tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó theo qui định hiện hành của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật (nếu là tổ chức) quy định tại điểm a khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện tại Công ty.

c. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty. Việc cử người làm đại diện tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản.

f. Người được cử làm đại diện tại các điểm b, c và d của khoản này không được quyền cử người khác làm đại diện.

Điều 21: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.

b. Được chia lợi tức với phần vốn góp tương ứng theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Theo quyết định của ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Nhà nước và trích lập các quỹ của công ty.

c. Được ưu tiên mua cổ phần khi công ty phát hành thêm cổ phiếu

d. Được mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phiếu, cổ phần theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Được yêu cầu công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp theo quy định tại điều 17 Điều lệ này.

i. Trong trường hợp công ty được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển đổi mô hình quản lý, giải thể hoặc phá sản cổ đông được hưởng các quyền lợi tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu sau khi công ty thanh toán hết các khoản nợ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

k. Được ưu tiên thứ tự việc làm cho bản thân và người thân trong gia đình (vợ, chồng, con) khi công ty có nhu cầu nhưng phải đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần của công ty ít nhất trong thời hạn 6 tháng trở lên có quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc BKS theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 29 và Khoản 5 Điều 42 Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi:

- Có cơ sở cho thấy bị thua lỗ trong năm tài chính;
- Phát hiện có dấu hiệu tham nhũng hoặc làm trái điều lệ công ty, trái các quy định gây thiệt hại cho công ty;

- Có bằng chứng cho thấy HĐQT, BKS, cán bộ quản lý công ty vi phạm nghĩa vụ trong quản lý, vi phạm pháp luật.

Trong các trường hợp trên HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định ở trên có yêu cầu bằng văn bản.

c. Yêu cầu BKS tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan khác.

Điều 22: Nghĩa vụ của cổ đông.

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ của công ty cũng như các Nội quy, Quy chế của Công ty. Chấp hành các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc công ty. Có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao để xây dựng phát triển công ty.

3. Thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định

4. Cung cấp địa chỉ cũng như các thông tin khác chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật về hoạt động của Công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty vi phạm Điều lệ công ty và vi phạm pháp luật cụ thể là:

a. Thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật hiện hành

b. Có hành vi tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi, phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 23: Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a - HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b - Khi có yêu cầu của BKS;
- c - Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc (nhóm cổ đông) theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 21 Điều lệ công ty;
- d - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

5. Điều kiện để được tham gia ĐHĐCĐ:

Cổ đông có quyền biểu quyết qui định tại Khoản 2, Điều 21, Điều lệ này; thành viên HĐQT, thành viên BKS đương nhiệm và một số đại biểu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử tham dự.

Điều 24: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán tài chính năm tiếp theo;
- Báo cáo của HĐQT;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo của BKS;

2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

- Số lượng thành viên của HĐQT;
- Quyết định số lợi nhuận trích lập các quỹ, bổ sung vốn, quyết định phương án chia cổ tức cho cổ đông;

- Xác định và quy trách nhiệm những thiệt hại xảy ra (nếu có) đối với Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh;



- Thông qua nhu cầu vốn, đáp ứng phương án kinh doanh và đề nghị cấp có thẩm quyền tăng giảm vốn nhà nước tại công ty hoặc phát hành thêm cổ phiếu để tái đầu tư sản xuất kinh doanh;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Quyết định thành lập, giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty;
- Bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty phù hợp với từng giai đoạn.
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

Điều 25: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thường niên được thông báo triệu tập đến các cổ đông trong thời hạn 10 ngày trước khi tiến hành đại hội

2. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm b, khoản 3, điều 21. Trường hợp HĐQT không triệu tập Đại hội thì sau 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập Đại hội. Nếu BKS không triệu tập Đại hội thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm b khoản 3 điều 21, sau 20 ngày tiếp theo có quyền triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phù hợp với pháp luật và quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;

c. Quyết định triệu tập và gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp được

gửi kèm theo nội dung chương trình họp, các tài liệu phục vụ thảo luận tại Hội nghị. Mọi kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải bằng văn bản và gửi đến chủ tọa Hội nghị trước ngày khai mạc ít nhất là 7 ngày.

4. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp lần thứ nhất triệu tập không đủ điều kiện thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự đại hội đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp khi triệu tập Đại hội lần thứ hai nhưng cũng không đủ điều kiện thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự kiến khai mạc Đại hội lần thứ hai phải tổ chức Đại hội lần thứ 3. Trong trường hợp này, ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông tham dự đại hội.

5. Nội dung chương trình của Đại hội theo giấy triệu tập, chỉ có ĐHĐCĐ quyết định mới có quyền thay đổi. Trước khi khai mạc Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông có mặt, ghi rõ số cổ phần sở hữu và cổ phần đại diện biểu quyết.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Chủ tịch HĐQT là người chủ tọa Đại hội thường niên và bất thường do HĐQT triệu tập.

7. Đại hội đồng cổ đông bất thường do BKS triệu tập thì Trưởng BKS làm chủ tọa. Nếu do cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập thì cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của nhóm cổ đông làm chủ tọa. Các cổ đông quy định tại khoản 3 điều 21 được quyền trực tiếp tham dự đại hội.

8. Những cổ đông cá nhân khi yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các nội dung yêu cầu của mình trước công ty và pháp luật của Nhà nước kể cả chi phí tổ chức Đại hội. Nếu Đại hội kết luận những nội dung yêu cầu đó không đúng thực tế (theo quy chế của công ty).

Điều 26: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của công ty, biên bản họp phải có nội dung chủ yếu sau:

- a. Thời gian và địa điểm Hội nghị;
- b. Chương trình làm việc;
- c. Chủ tọa và thư ký;
- d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ;

- đ. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ: số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;
- e. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- g. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 27: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại Hội nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi:

a. Có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Cổ đông tham dự Đại hội khi biểu quyết được tính số phiếu bằng số cổ phần mà họ đại diện. Vì vậy các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp hoặc được ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

4. Quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực ngay sau khi đại hội biểu quyết thông qua và được thông báo đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày sau khi Đại hội. Quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

5. Những phiếu bầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn hơn số cổ phần đại diện đều không hợp lệ và không được tính vào kết quả bỏ phiếu.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục sau:

- a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung lấy ý kiến theo Điều lệ này và pháp luật;
- b. Gửi phiếu biểu quyết và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin;
- c. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

7. Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 28: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc và BKS có quyền yêu cầu tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo qui định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các qui định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 29: HĐQT, quy định chung về HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1. Số lượng thành viên HĐQT là 3 (ba) người. Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ cổ đông bầu. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Thủ tục bầu thành viên HĐQT là bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

2. Thành viên HĐQT do các cổ đông đề cử theo tỉ lệ sở hữu của từng cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc tỉ lệ sở hữu cổ phần, được quy định tại điểm a khoản 3 điều 21 điều lệ này.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên đề cử tối đa đủ số ứng viên thành viên HĐQT qui định.

3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Giám đốc Công ty.

4. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

a. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

b. Không phải là thành viên HĐQT của từ 2 doanh nghiệp có cùng ngành nghề kinh doanh;

c. Những cổ đông do nhóm cổ đông có đủ điều kiện nêu tại Khoản 2 Điều này đề cử ;

d. Thành viên HĐQT là những người có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;

e. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 30: Nhiệm kỳ của HĐQT.

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

2. Trong nhiệm kỳ, ĐHCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3. Quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải gửi kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của HĐQT về phát hành trái phiếu;

4. Quyết định việc chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

5. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

6. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại trong mỗi 12 tháng;

7. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

8. Quyết định giải pháp tiếp thị, thị trường và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc, phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và các lợi ích khác của những người quản lý;

10. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

11. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

12. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;

14. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;

15. Kiến nghị mức cổ tức định trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

16. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

17. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 32: Quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT.

1. Hoạt động của HĐQT.

- HĐQT họp thường kỳ 3 tháng 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Cuộc họp HĐQT hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có hai (02) thành viên có

NĐ 04

số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.

a. Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch HĐQT;
- Ít nhất 2 thành viên HĐQT yêu cầu;
- BKS yêu cầu;
- Giám đốc công ty yêu cầu.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ yêu cầu, mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

b. HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp hoặc hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các Quyết định và Nghị quyết của HĐQT được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

d. Quyết định của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi vào biên bản và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên HĐQT.

a. Có trách nhiệm trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ công tác được HĐQT phân công không được ủy quyền cho người khác thay thế.

b. Có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tham dự các phiên họp của HĐQT, tham gia và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp.

c. Thực hiện nghiêm túc Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

d. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật Nhà nước, trước ĐHĐCĐ và HĐQT về những hành vi vi phạm (nếu có).

e. Chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, tính chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập công ty và trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

f. Nếu là người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty, ngoài các quyền hạn và trách nhiệm trên còn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

g. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



Điều 33: Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch bằng hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Lập kế hoạch, chương trình hoạt động của HĐQT;
- b. Chuẩn bị và tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c. Tổ chức việc thông qua Quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- e. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ do HĐQT trị triệu tập;
- f. Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán và các báo cáo kiểm tra của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- g. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT tạm thời không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán để thực hiện nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 34: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

2. Tổng số tiền thù lao trả cho HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải được thể hiện bằng mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các khoản chi phí hợp lý mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.

4. Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT, Ban Giám đốc được trích quỹ khen thưởng cho ban quản lý điều hành theo luật quản lý tài chính hiện hành. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ thì không được trích lập quỹ khen thưởng cho ban quản lý điều hành.



Điều 35: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 4 Điều 29;
 - b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
 - d. Bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHCĐ;
 - e. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - f. Cổ đông là tổ chức không cử làm đại diện nữa;
 - g. Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Bổ sung thành viên HĐQT.
 - a. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 2 người so với số lượng quy định của điều lệ công ty thì HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT.
 - b. Trong trường hợp phải tổ chức bầu thành viên mới, thay thế thành viên đã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm mà gần sát thời gian ĐHCĐ thường niên (tối đa là 3 tháng) thì sẽ không tổ chức ĐHCĐ bất thường.

Điều 36: Giám đốc công ty, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Giám đốc ty

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên làm Giám đốc điều hành công ty. Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành quản lý các hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước cổ đông và pháp luật Nhà nước về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Giám đốc công ty đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% số cổ phần của Công ty hoặc phải là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh từ 3 năm kinh nghiệm trở lên.
 - c. Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.
4. Giám đốc công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 37: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc công ty.

1. Quyền hạn, nhiệm vụ của Giám đốc .

a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty gồm việc ký kết các hợp đồng, giao dịch; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của HĐQT;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

đ. Xây dựng phương án bố trí, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

e. Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

2. Trách nhiệm của Giám đốc

a. Tuân thủ các qui định của pháp luật, Điều lệ công ty, qui chế nội bộ. Trong quá trình quản lý, điều hành công ty trái với các quy định trên gây thiệt hại cho Công ty thì hoàn toàn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Công ty.

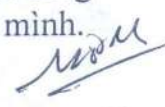
b. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

c. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh doanh;

d. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm, cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

Điều 38: ủy quyền, ủy nhiệm của Giám đốc công ty

1. Giám đốc công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các phó giám đốc, kế toán trưởng công ty hoặc người khác thay thế mình giải quyết một số công việc của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước về sự ủy nhiệm, ủy quyền của mình.



2. Người được Giám đốc công ty ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và pháp luật Nhà nước về những công việc của mình làm.

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu thì phải được thực hiện bằng văn bản.

4. Người được ủy quyền phải trực tiếp thực hiện nhiệm vụ không được ủy quyền lại cho người khác.

Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc công ty

Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a. Có đơn xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động;
- b. Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 36 của Điều lệ công ty;
- c. Gây thiệt hại nghiêm trọng trong công tác quản lý điều hành, như việc:
 - Để công ty thua lỗ liên tục trong 2 năm liên tiếp
 - Gây thất thoát từ 50% vốn điều lệ trở lên.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định

Khi Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản và đề cử ngay người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

Điều 40: Cán bộ quản lý công ty, nghĩa vụ của người quản lý công ty

Công ty sẽ ban hành hệ thống quản lý công ty, theo đó bộ máy quản lý phải chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, phó Giám đốc, kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của công ty trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ;

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, mẫn cán, tốt nhất vì lợi ích của công ty;

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

5. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.



6. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

Điều 41: Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty;

c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. HĐQT chấp thuận đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 42: Ban kiểm soát và những quy định chung về Ban kiểm soát

1. BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. BKS có 3 thành viên. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của công ty. BKS phải bầu một thành viên làm Trưởng ban.

Nhiệm

3. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

4. Nhiệm kỳ của BKS không quá 5 năm, thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ nếu có khuyết thành viên BKS thì tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất sẽ bầu bổ sung.

5. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên BKS.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên BKS:

- a. Là cổ đông hoặc người khác do cổ đông đề cử;
- b. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
- c. Có trình độ cao đẳng trở lên;
- d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
- e. Có tuổi đời từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- f. Thành viên BKS không được là thành viên HĐQT; thành viên Ban giám đốc; Kế toán trưởng công ty; vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
- g. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý công ty.*

7. Thành viên BKS được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 43: Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của BKS và kiểm soát viên

1. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công thành viên BKS phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.

2. BKS phải họp ít nhất một quý một lần. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi HĐQT và là tài liệu lưu giữ của Công ty.

3. Mỗi thành viên BKS dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát, và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a. Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;

d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 8 Điều 21 Điều lệ công ty;

e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 8 Điều 21 Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

f. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của BKS và kiểm soát viên

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Có nghĩa vụ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và của cổ đông.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ tại các điểm a, b, c, d khoản 3 của điều này mà gây thiệt hại cho công ty và người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản 3 điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 44: Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng BKS có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình kế hoạch kiểm tra định kỳ cũng như đột xuất theo yêu cầu
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của BKS.
- c. Tổng hợp các kết quả kiểm tra kiến nghị báo cáo với HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất.

d. Chủ tọa ĐHĐCĐ bất thường do BKS triệu tập theo Điều lệ.

2. Trường hợp Trưởng BKS vắng mặt thì phải ủy quyền lại cho thành viên khác bằng văn bản. Trong trường hợp Trưởng BKS mất khả năng thực hiện nhiệm vụ công tác thì các thành viên còn lại cử người thay mặt thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Trưởng BKS và báo cáo HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất.

3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

4. Trưởng BKS được hưởng thù lao theo chế độ do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 45: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát.

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Có đơn xin từ chức;
- b. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Điều lệ này;
- c. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d. Thành viên BKS bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Trong các trường hợp khuyết chức danh Trưởng BKS, các thành viên còn lại của BKS cử một người tạm thay thế.

3. Trường hợp khuyết thành viên BKS mà những thành viên BKS còn lại không có chuyên môn tài chính kế toán, Trường BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

4. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

Điều 46: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ, lưu giữ hồ sơ.

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS và Giám đốc công ty có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông, Sổ theo dõi phát hành cổ phiếu của Công ty và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

2. Công ty phải lưu giữ điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu, chứng minh quyền sở hữu tài sản của công ty. Biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu, giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của công ty hoặc một nơi khác nhưng với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo địa điểm lưu trữ tài liệu này.

CHƯƠNG VII

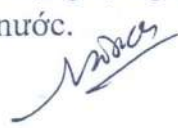
CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY.

Điều 47: Chế độ, chính sách đối với người lao động.

Công ty có quy chế nội bộ thực hiện việc quản lý đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách cho người lao động một cách tốt nhất. Các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương và các khoản thu nhập, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động đều được thực hiện theo những quy chế cụ thể.

1. Việc tuyển dụng lao động, hợp đồng lao động tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ của công ty phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Người lao động đang thực hiện Hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hóa (tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) khi chuyển sang Công ty cổ phần được Công ty ký kết lại HĐLĐ mới. Đối với số lao động do Công ty tuyển dụng sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Giám đốc công ty lập danh sách báo cáo HĐQT để xem xét quyết định. Những người lao động tự nguyện chấm dứt HĐLĐ thì được giải quyết theo chế độ hiện hành của Nhà nước.



Điều 48: Quyền lợi của người lao động

1. Công ty quản lý lao động theo luật lao động và quy chế nội bộ. Người lao động được thanh toán tiền công tiền lương theo chế độ hiện hành của Nhà nước và thỏa ước lao động giữa giám đốc công ty hoặc người được ủy quyền với tổ chức công đoàn. Chế độ tiền lương, tiền công được trả cho người lao động theo chế độ tiền lương tiền công sản phẩm từ hạch toán chi phí lưu thông hoặc giá thành sản phẩm nhưng không được trái với các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Mọi chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với người lao động Công ty có trách nhiệm tiếp tục thực hiện đảm bảo mọi quyền lợi tốt nhất cho người lao động.

3. Người lao động đang công tác tại công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao thì được khen thưởng theo quy chế, quy định của công ty và pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng của Nhà nước.

4. Sau 12 tháng kể từ ngày công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động, nếu do nhu cầu sắp xếp, tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động bị mất việc làm; chính sách đối với người lao động này sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG VIII

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CHIA LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ

Điều 49: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được phép mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Công ty có thể tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản giao dịch tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm.

3. Kỳ kế toán quý là 3 tháng, tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.



Điều 51: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận

2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, được cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng tiền Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 52: Báo cáo thường niên và công khai thông tin.

1. Báo cáo thường niên: Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị đầy đủ các báo cáo và tài liệu sau:

- a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo tổng hợp đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
- d. Các báo cáo khác theo yêu cầu của các cơ quan ban ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước.

2. Công khai thông tin

a. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

b. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

c. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 53: Kiểm toán

1. Hàng năm theo đề xuất của BKS, HĐQT sẽ chỉ định chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã phải được kiểm toán trước khi trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.

Điều 54: Con dấu

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. HĐQT, BKS và Giám đốc công ty sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 55: Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau:

1. Trích 5% để lập quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 10% vốn Điều lệ; trích quỹ trợ cấp mất việc làm theo quy định của Pháp luật.

2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 56: Cổ tức

1. Cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào đề xuất của HĐQT. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. HĐQT có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty sẽ không trả lại cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác của cổ đông khi đến hạn mà chưa nhận.

Điều 57: Hình thức chi trả cổ tức cho cổ đông

1. Khi kinh doanh có lãi theo đề xuất của HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.

2. HĐQT thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Handwritten signature

CHƯƠNG X:
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 59: Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của công ty kể cả sau khi đã gia hạn
- b. Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành
- c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- d. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ
- e. Không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn liên tục 6 tháng.
- f. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- g. Các trường hợp khác do pháp luật quy định

2. Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện quyết định giải thể này phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu bắt buộc)

3. Trường hợp bị tòa án tuyên bố phá sản, thủ tục giải quyết phá sản đối với công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Luật phá sản Doanh nghiệp hiện hành

4. Các thủ tục khác liên quan đến giải thể công ty được thực hiện theo quy định tại điều 158, điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 60: Gia hạn hoạt động

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 61: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc khi có quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên trong đó có 2 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 1 thành viên do HĐQT từ một công ty kiểm toán độc lập để cùng làm thủ tục thanh lý. Ban thanh lý tuân bị các quy chế hoạt động của mình, các thành viên ban thanh lý có thể được chọn trong số các nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập giúp ban thanh

3. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thông báo trả cổ tức được gửi tới các cổ đông trong khoảng 20 ngày trước ngày trả cổ tức. Thông báo được gửi cho cổ đông theo sổ đăng ký cổ đông.

4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trước thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người được chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty. Thời điểm tính cổ tức là thời điểm ngay sau khi kết thúc năm tài chính. Thời điểm trả cổ tức là thời điểm sau ĐHCĐ thường niên.

CHƯƠNG IX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của công ty hay tới các quyền của cổ đông phát sinh từ điều lệ này hay từ bất cứ quyền và nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với HĐQT, BKS, Giám đốc hay cán bộ quản lý chủ chốt khác.
- c. Các cán bộ quản lý người lao động với nhau hoặc với công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp có liên quan đến HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tế liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến HĐQT hay chủ tịch HĐQT bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu các bên không đạt được quyết định trong quá trình hòa giải thì trong vòng 6 tuần kể từ khi bắt đầu hòa giải, hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa những tranh chấp đó ra trọng tài kinh tế hoặc tòa án kinh tế để giải quyết.

3. Các bên tranh chấp phải tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng về hòa giải, các chi phí của tòa án sẽ do tòa án phán quyết bên nào phải chịu.



cổ lý thực hiện nhiệm vụ. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên công ty;
- c. Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a, b, c, d, e trên đây sẽ được phân chia cho cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 62: Kế thừa

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cổ phần hoá (Công ty TNHH một thành viên Thương mại miền núi Thanh Hóa).

Điều 63: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của ĐHĐCĐ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 64: Hiệu lực và đăng ký Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm có 11 chương và 64 điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2013 tại Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp đăng ký tại phòng Công chứng tỉnh Thanh Hóa.

b. Năm (05) bản nộp đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo qui định của UBND tỉnh Thanh Hoá.

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Văn phòng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị pháp lý khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc 2/3 tổng số thành viên HĐQT./.

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 7 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA CÔNG TY



Nguyễn Đình Tự

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HOÁ
(Lần thứ nhất)

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ công ty.

Điều 1. Sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá ngày 26 tháng 7 năm 2013 như sau:

Khoản 3, Lĩnh vực kinh doanh của công ty:

- Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh ” bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh - mã ngành 4764” vào mục 4.

- Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh ” Vận tải hành khách đường bộ khác – mã ngành 4932” vào mục 12 .

- Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh: Đại lý tua du lịch – mã ngành 7911; Điều hành tua du lịch – mã ngành 7912; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch – Mã ngành 7920.

Điều 2. Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần thứ nhất này thay thế Điều khoản tương ứng của Điều lệ và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý./.

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 4 năm 2015.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Tự

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI THANH HOÁ
(Lần thứ hai)

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 9 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ công ty.

Điều 1. Sửa đổi bổ sung Điều 3 Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá ngày 26 tháng 7 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục điều chỉnh Điều lệ lần thứ nhất ngày 30 tháng 4 năm 2015 như sau:

Khoản 3, Lĩnh vực kinh doanh của công ty:

- Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh ” Đại lý vé máy bay, tàu hoả, xe khách. nhận ký gửi hàng hoá - mã ngành 4610”.
- Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh ” Chuyển phát – mã ngành 5320 ”.
- Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh: Tổ chức các sự kiện – Mã ngành 8320”

Điều 2. Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần thứ hai này thay thế Điều khoản tương ứng của Điều lệ và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý./.

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 9 năm 2015.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đình Tự